

# QUỐC NGỮ TRONG CHIỀU SÂU LỊCH SỬ

Nguyễn Hữu Phước

Trong một thời gian dài của thời Hùng Vương, cho đến nhà Triệu (khoảng thế kỷ thứ hai BC), trong nhiều ngàn năm, chúng ta có tiếng nói nhưng không có chữ viết. Tiếp theo, trong suốt 10 thế kỷ (từ năm 111 BC đến năm 939 AD), Việt Nam (VN) sống dưới sự đô hộ của Hán tộc hay người Trung Hoa (TH, sau năm 1949 đổi thành Trung Quốc), hay người Tàu.

## • CHỮ HÁN & GIỌNG HÁN VIỆT

Trong 10 thế kỷ này, mặc dù chúng ta có tiếng nói riêng (khẩu ngữ), nhưng vì không có chữ viết (văn tự), nên tất cả văn kiện trong hành chánh, luật pháp, văn chương, tôn giáo v.v. của VN đều phải dùng chữ Hán (= chữ Nho). Chữ Hán là chữ chánh thức trong việc giao dịch với TH.

Dân Việt do đó đã chịu ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa Hán tộc.

Nhưng chỉ có giới sĩ phu (một số nhỏ so với đa số dân chúng thất học) biết dùng giọng hay tiếng Hán Việt (HV) để đọc chữ Hán. **Giọng HV là một giọng đọc mà các nhà nho (những người VN biết chữ Hán) dùng để đọc chữ Hán theo kiểu VN.**

Sau khi giành được sự độc lập từ năm 939, **Việt Nam tiếp tục dùng chữ Hán** làm chữ chánh thức trong công quyền và học đường, **cho đến đầu thế kỷ 20 mới chấm dứt**, khi các kỳ thi bằng Hán văn bị bãi bỏ vào năm 1919, mặc dầu giới sĩ phu (không nói được tiếng Tàu) dùng giọng HV theo cách riêng của VN để đọc chữ Hán.

## • CHỮ NÔM

Điều cần nêu ra là giới sĩ phu Hán học VN, trong một thời gian dài [từ thời nhà Trần (thế kỷ 13) cho đến thời nhà Nguyễn (khoảng giữa thế kỷ 19, thập niên 1860-70)] đã cố gắng sáng chế ra, và dùng **chữ Nôm**.

**Chữ Nôm là thứ chữ mượn các bộ phận của chữ Hán ghép lại với nhau để đọc âm Việt Nam hay âm Nôm** (do chữ Nam mà ra). Đây là loại chữ riêng của giới sĩ phu VN, người Trung Hoa không thể đọc và hiểu được.

**Giới sĩ phu dùng chữ Nôm trong văn chương** (song song với văn chương chữ Hán, đọc theo kiểu Hán Việt) **với ý định là dùng chữ Nôm làm chữ viết riêng cho Việt Nam.**

**Trong thời gian khoảng 6 thế kỷ đó, văn học chữ Nôm phát triển mạnh.** Nhiều truyện, văn, thơ bằng chữ Nôm còn lưu lại đến ngày nay, đánh dấu một thời kỳ đặc biệt của văn học Việt.

Nhưng đối với đa số dân chúng, **chữ Hán là chữ khó học**, vì chữ viết khó nhớ, giọng đọc lại không diễn tả được khẩu ngữ bình thường của dân Việt (giọng Hán Việt xa lạ với tiếng nói bình thường của dân chúng).

Muốn học đọc và viết chữ Nôm, phải học chữ Hán cho có căn bản trước đã. Do đó **chữ Nôm lại càng khó học hơn.**

Nói khác đi, chữ Hán và giọng đọc Hán Việt chỉ giới hạn trong số sĩ phu. Và chỉ có một số nhỏ trong nhóm này biết viết và đọc được chữ Nôm.

Ngoài ra, như đã nói ở một bài trước, **các triều đại vua chúa VN chưa bao giờ công nhận chữ Nôm như là văn ngữ chánh thức của quốc gia.**

Do đó **chữ Nôm dần dần trở thành một loại “chữ chết”,** loại chữ không thông dụng nữa (như chữ La tin).

Ngày nay, chỉ có một số rất nhỏ học giả còn nghiên cứu, bàn thảo, giảng dạy, và

tim cách dịch hay giải thích chữ Nôm bằng chữ quốc ngữ.

### • CHỮ PHÁP

Năm 1862 là năm mà Pháp chính thức tách ba tỉnh miền Đông của Nam Kỳ ra khỏi quyền hạn của triều đình Huế. Sau đó Pháp lần lượt thôn tính những vùng khác của Việt Nam và cả Cam bốt (hay Kampuchia) và Lào (Laos).

Pháp thành lập Liên Bang Đông Dương (LB ĐD) thuộc Pháp vào năm 1887, gồm Kampuchia, Laos, và Việt Nam, trong đó Việt Nam bị chia ra làm ba vùng chánh trị dưới ba thể chế cai trị khác nhau.

Việc đương nhiên là **tiếng Pháp và chữ Pháp thay thế chữ Hán và tiếng Việt trong guồng máy hành chánh công quyền trong thời VN bị Pháp đô hộ.**

Tiếp theo, sau khi LB ĐD thành hình và sau một thời gian củng cố xong về phương diện chánh trị, Pháp bắt đầu cho mở trường học để đào tạo nhân sự địa phương cần thiết cho việc thông dịch và tăng cường hệ thống cai trị.

Họ cũng có mục tiêu phổ biến văn hóa Pháp, một nền văn hóa mà họ tự hào, mặc dù nền văn hóa này xa lạ với dân Việt (và cả với dân Kampuchia và dân Laos).

Chỉ trong vòng khoảng 30 năm sau, chữ Hán và hệ thống Hán học bị loại ra khỏi học đường ở Việt Nam.

**Trong thời gian cầm quyền ở VN, người Pháp chỉ muốn dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ chánh trong nền hành chánh và giáo dục, do đó không có ý nâng đỡ Việt Nam trong việc phát triển chữ quốc ngữ.**

Chữ Pháp đã thắng thế chữ Hán, và Hán học xuống dốc thê thảm. Chữ Pháp và tiếng Pháp đã trở thành chữ viết và tiếng nói chánh thức cho một số dân Việt, những ai muốn có được một căn bản giáo dục tối thiểu để làm việc

trong guồng máy công quyền cũng như trong các tư sở có giao thương với giới thương buôn người Pháp.

Số người biết Pháp ngữ tuy vẫn còn là thiểu số trong dân chúng, nhưng con số này vượt khỏi số người biết chữ Hán rất nhanh.

Trong một khoảng thời gian ngắn, người biết tiếng và chữ Pháp đã thay thế những vị trí quan trọng do giới sĩ phu Hán học nắm giữ trước kia.

**Nói khác đi, trong một thời gian thật dài theo chiều sâu lịch sử VN, chúng ta không có một thứ chữ viết phổ thông cho dân chúng, vì chữ Hán và chữ Nôm chỉ giới hạn trong một thiểu số sĩ phu. Văn chương Hán hay Nôm cũng chỉ lưu truyền trong số sĩ phu hạn hẹp này.**

Còn chữ Pháp, do hoàn cảnh lịch sử - sự tranh thủ độc lập của Việt Nam, sự có mặt của chữ quốc ngữ, và sự khác biệt với khẩu ngữ VN - cũng đã bị đào thải khỏi chương trình học ở VN như là một chuyển ngữ, và trở thành một môn sinh ngữ mà thôi.

Tuy có mặt một thời gian tương đối rất ngắn, nhưng tiếng Pháp và chữ Pháp đã ảnh hưởng khá sâu rộng trong văn hóa Việt vì chính ngôn ngữ Pháp mở đường trong việc đem ảnh hưởng tây phương đến Việt Nam.

### • CHỮ QUỐC NGỮ

Sự xuất hiện của chữ quốc ngữ là một **hiện tượng** hết sức **đặc biệt** cho ngôn ngữ Việt.

Lúc mới được sáng chế vào cuối thế kỷ thứ 17, chữ quốc ngữ bắt đầu phát triển hạn chế trong giới Công giáo. Nhưng nhờ có thêm giới sĩ phu Tây học (trong và ngoài Công giáo, và có căn bản Hán học) có cái nhìn xa vào khả năng và vai trò quan trọng của loại chữ mới này, nên loại chữ mới này đã phát triển nhanh vào thế kỷ thứ 18 & 19, mặc dầu

nó chưa được chánh thức giảng dạy ở học đường.

**Mãi đến đầu thế kỷ 20** (năm 1917), khi nhà cầm quyền người Pháp ban hành “Chương Trình Giáo Dục VN” mà **chữ Pháp là chuyên ngữ chánh thức**, thì **“chữ quốc ngữ” mới được giảng dạy với một số giờ ít ỏi, vì chỉ được coi như là một “sinh ngữ” mà thôi**. Mặc dù vậy, những học sinh lúc đó đều biết thông thạo chữ quốc ngữ .

Tình trạng này kéo dài cho đến năm 1945, khi chánh phủ Trần Trọng Kim được thành lập.

**Từ năm 1945**, quốc ngữ, tức Việt ngữ ngày nay, chánh thức được dùng làm chuyên ngữ ở Bắc và Trung Phần VN trước. Sáu năm sau, **từ năm 1951**, ở Nam Phần VN tất cả các môn học ở bậc Trung học đều được giảng dạy bằng Việt ngữ, bắt đầu từ lớp đệ thất (= lớp đầu của bậc trung học, tức lớp 6 ngày nay).

Và cứ mỗi năm sau đó, Việt ngữ được dùng ở lớp kế tiếp cho đến khi tất cả các lớp ở bậc Trung học đều dùng Việt ngữ .

Nhìn lại cho đến nay (2008) với một lịch sử phát triển chính thức trong nền giáo dục công lập **chưa tới một thế kỷ** (1919-2008), [và nếu tính từ khi được dùng làm chuyên ngữ, thì **chưa tới bảy thập niên** (1945-2008)] **nhưng chữ quốc ngữ đã phát triển một cách hết sức là sâu rộng trong quần chúng**. Giới sĩ phu và đại đa số dân chúng đã có thể dùng chung một thứ chữ để diễn tả giọng nói của dân Việt Nam.

Tác giả Tu Dinh trong bài *Nếu không có chữ quốc ngữ* (2) đã cho rằng sự có mặt kịp thời của chữ quốc ngữ đã khiến chữ quốc ngữ *gánh vác những nhiệm vụ lịch sử quan trọng đối với dân tộc Việt Nam*.

Theo ông:

- *Chữ quốc ngữ đã đưa Văn Học Hán Nôm rời khỏi các thư phòng nhỏ bé, để*

*ra ngoài dân gian, sau khi các tác phẩm của nền văn học này được phiên âm ra chữ quốc ngữ.*

- *Chữ quốc ngữ dễ học và dễ viết, trong thế kỷ 20, đã giúp cho nền tiểu học và trung học Việt Nam tiến bằng đôi hia bảy dặm; đó là điều mà thời kỳ Hán Nôm đã không làm được.*

- *Chữ quốc ngữ đã đưa Việt Nam lên hàng những*

*nước có tỷ lệ mù chữ vào hàng thấp nhất trên thế giới, 6%\*, tuy Việt Nam hiện vẫn còn là một nước nghèo nàn và lạc hậu... (\* theo The Time Almanac).*

Và ông cũng có nhận xét:

- *Nói rằng chữ quốc ngữ là cái may mắn ngàn năm một thuở của dân tộc Việt Nam, đó không phải là lời quá đáng.*

Nhưng dầu muốn dầu không, chúng ta đã chịu ảnh hưởng nặng nề của giọng Hán Việt.

Với sự sáng chế chữ quốc ngữ, và **dùng chữ quốc ngữ ghi lại giọng đọc Hán Việt** từ những chữ Hán, **chúng ta có một kho tàng vô giá chữ Hán Việt do ông cha chúng ta để lại** mà chúng ta còn có thể tiếp tục khai thác.

**Chữ Hán Việt hay chữ Việt Hán là chữ quốc ngữ ghi âm giọng Hán Việt.**

**Chữ Hán Việt là chữ Việt**, người Trung Hoa đọc không được, viết không được (vì viết bằng chữ quốc ngữ). Và giọng Hán Việt, người Tàu nghe không hiểu, trừ một số chữ trùng âm, họ nghe và có thể đoán ra phần nào.

Trên thế giới, với chiều hướng “toàn cầu” như hiện nay, không có một luật lệ nào cấm việc phát triển ngôn ngữ qua hình thức mượn chữ. Nhưng chúng ta đã Việt hóa cách viết những chữ mượn này bằng chữ quốc ngữ, như vậy thì coi như không có gì để bàn cãi nữa về vấn đề *mượn chữ* hay đúng hơn là *mượn âm và nghĩa* nữa.

Có hàng chục ngàn chữ Việt có gốc Hán Việt (HV) hay biến thể từ HV, do đó chữ

HV có ảnh hưởng sâu rộng trong ngôn ngữ Việt. **Đó là nhờ có chữ quốc ngữ.**

Nói khác đi, **chữ quốc ngữ, đã giữ vai trò quan trọng trong sự phong phú hóa ngôn ngữ Việt.**

**Còn rất nhiều chữ Hán Việt chúng ta chưa hiểu và chưa sử dụng.** Nhưng khi bắt đầu dùng rồi và khi được giới truyền thông công nhận (dùng nhiều), thì những chữ Hán Việt mới này đi sâu vào dân chúng một cách nhanh chóng. Trong một thời gian ngắn sau, nhờ **khả năng Việt hóa những chữ mới, một khả năng đặc biệt của chữ quốc ngữ và ngôn ngữ Việt**, những chữ gọi là “chữ mới” này sẽ trở thành những chữ quen thuộc.

Chính thế hệ chúng tôi (50 – 70 tuổi), khi dùng đến những chữ Hán Việt quen thuộc cũng dùng như những tiếng Việt thuần của ông bà chúng ta để lại.

Vấn đề chánh là làm sao sử dụng những chữ Hán Việt mới (hay cũ) cho đúng chỗ, đúng hoàn cảnh, đúng vị trí của nó, chứ không dùng một cách sơ xuất, sai vị trí, hay sai ý nghĩa.

Chính nhờ những chữ Hán Việt này mà chúng ta và con em chúng ta đã học và diễn tả được tư tưởng của Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo (từ Ấn Độ và Trung Hoa), Kitô giáo và những tôn giáo khác (từ Tây phương và Trung Đông); và cũng y như vậy với những chữ mới dùng trong hành chánh, văn chương, khoa học, triết học v.v.

**Điều cần chú ý là chúng ta còn vô số những âm thuần Việt trong chữ quốc ngữ mà chúng ta chưa dùng đến, hay chưa gán cho một ý nghĩa** (do những nguyên âm thuần Việt a, ă, â, e, ê, i, o, ô ơ, u, ư, cộng thêm 5 dấu giọng và những phụ âm đôi ở đầu (hay ở cuối) như “ch, gh, kh, ng, nh, ph, th, tr” (1). **Nếu có thể dùng thêm những âm thuần Việt này thì càng tốt hơn, phong phú hơn.** Nhưng ai là người tiên phong trong việc dùng những âm thuần Việt này, xin quý vị học giả, văn sĩ, ký giả v.v. góp ý.

**Cái khả năng dùng chữ quốc ngữ để Việt hóa những chữ mới, dù là Hán Việt hay những chữ ngoại quốc khác, kể cả những chữ gốc tây phương như Pháp ngữ, Anh ngữ v.v., là đặc điểm tuyệt diệu của chữ quốc ngữ và ngôn ngữ Việt.**

#### Sách Tham Khảo

1. Tu Dinh, Vo Cao (2002). Văn Phạm và ngôn ngữ Việt Nam. Nxb SEACAEF, California, USA.
2. Tu Dinh, Vo Cao (2004). Nếu không có chữ quốc ngữ, Chuyên bên lề và Chợ Trời chữ nghĩa, Nxb SEACAEF California, USA.